TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2020/DS-ST
Ngày: 01/6/2020
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Hoa
2. Bà Lê Thị Ngọc Ánh

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Dương Kim Cương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà:*** Ông Phạm Minh Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2019/TLST - DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà L, sinh năm 1956

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh G

Người đại diện theo ủy quyền: Chị T, sinh năm 1983; Địa chỉ: 244/2 tổ 8, ấp P, xã H, huyện T, tỉnh G.

2. *Bị đơn:* Anh K, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh G.

Chị T có mặt; anh K vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 11 năm 2019 của bà L và quá trình giải quyết vụ án chị T là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/4/2016, bà L có cho anh K vay số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng, thời hạn vay đến ngày 13/8/2016. Anh K có viết biên nhận cho bà L. Sau đó, ngày 05/8/2016 bà L tiếp tục cho anh K vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng, thời hạn vay đến ngày 13/8/2016. Tuy nhiên từ khi vay tiền đến nay thì anh K không trả tiền lãi cũng

như tiền vốn gốc cho bà L. Bà L đã nhiền lần yêu cầu anh K trả tiền nhưng bị đơn cứ hẹn mà không thực hiện.

Nay bà L yêu cầu anh K trả nợ với số tiền vốn là 95.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 05/8/2016 đến khi ngày xét xử với lãi suất 0,83%/tháng.

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng anh K vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản phản hồi về việc bà L khởi kiện, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà L yêu cầu anh K trả số tiền vay còn nợ, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh G, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà L khởi kiện yêu cầu anh K trả tiền nợ đã vay là 95.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà L là giấy biên nhận do bà L cung cấp có anh K ký tên. Có đủ cơ sở xác định giữa bà L với anh K đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K tuy nhiên anh K không đến tham dự phiên tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà L. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh K phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó Hội đồng xét xử xác định anh K còn nợ bà L số tiền nợ gốc là 95.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: *"Bên vay tài sản là tiền*

thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Xét thấy anh K đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L và ý kiến của Kiểm sát viên, buộc anh K trả cho bà L số tiền vốn là 95.000.000 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Tại phiên tòa, chị T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc 25.000.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu này. Đối với số tiền nợ gố 70.000.000 đồng, chị T yêu cầu tính lãi từ ngày 07/4/2016 đến ngày 07/8/2016 với lãi suất 0,83%/tháng, từ ngày 08/8/2016 đến ngày xét xử với lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn. Theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: *"Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác".

Do đó, chị T yêu cầu anh K trả tiền lãi là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi được tính như sau:

70.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 04 tháng = 2.324.000 đồng

70.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 150% x 45 tháng = 39.217.500 đồng

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Buộc anh K trả cho bà L số tiền nợ gốc là 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 41.541.500 đồng (Bốn mươi mốt triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà L cho đến khi thi hành án xong, anh K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà L đối với yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc 25.000.000 đồng.

3. Về án phí:

Anh K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.827.075 đồng

Bà L được miễn tiền tạm ứng án phí do là người cao tuổi.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Vĩnh Lộc